Người ký: TRUNG TÂM THÔNG TIN - HỘI NGHỊ TỈNH QUẢNG NGÃI
Email: ttthn@quangngai.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 18.11.2026 14:35:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2777 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mỏ đất tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hòa (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi *(nay là phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi)*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026; Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Mỏ đất tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hoà (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi) của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tổng hợp Phúc Lộc tại Công văn số 368/CV-PL ngày 02/11/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1125/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mỏ đất tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hoà (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi *(nay là phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi)* (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tổng hợp Phúc Lộc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tổng hợp Phúc Lộc

- Chịu trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung tham mưu đề xuất; về tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tổng hợp Phúc Lộc thực hiện các nội dung, yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch UBND phường Đức Phổ; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tổng hợp Phúc Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP Tạ Văn Lực, TTHC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.LTHH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đỗ Tâm Hiển

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Mỏ đất tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hoà (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi *(nay là phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi)*
(Kèm theo Quyết định số 2777 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mỏ đất tổ dân phố Hiển Văn, phường Phổ Hoà (Vị trí 1), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi *(nay là phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi).*

- Địa điểm thực hiện: Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tổng hợp Phúc Lộc *(Địa chỉ: Tổ dân phố An Thạch, phường Trà Câu, tỉnh Quảng Ngãi).*

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích khu vực khai thác là 6,0 ha.

- Trữ lượng khai thác: Theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp theo cấp 122: 524.589 m^3; trữ lượng khoáng sản đi kèm là đá tảng lăn (đá chẻ) làm vật liệu xây dựng thông thường theo cấp 122: 2.617 m^3.

- Công suất khai thác: 250.000m^3 đất san lấp/năm và 1.047 m^3 khoáng sản đi kèm là đá tảng lăn (đá chẻ)/năm.

- Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng cấp 122: Cos +25 m.

- Thời hạn khai thác: 2,5 (hai phẩy năm) năm kể từ ngày được cấp phép *(bao gồm thời gian xây dựng cơ bản).*

1.3. Công nghệ sản xuất

Mỏ áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên bằng phương pháp đào xúc, tạo moong, vận chuyển với đầy đủ các khâu công nghệ:

+ Công nghệ khai thác đất: Làm đường, mở vỉa → Tạo moong, tầng khai thác → Đào xúc đất bằng máy đào → Vận chuyển đất (ô tô) đến công trình.

+ Công nghệ khai thác thu hồi khoáng sản đi kèm là đá tảng lăn: Khai thác đá bằng búa thuỷ lực, chẻ đá thủ công → Xúc đá bằng máy đào → Vận chuyển đá (ô tô) đến công trình.

1.4. Phạm vi

*Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

Stt	Hạng mục công trình	Quy mô
I	**Các hạng mục công trình chính**	
1	Diện tích khu vực khai thác	6,0 ha

Stt	Hạng mục công trình	Quy mô
2	Đường ngoại mỏ	180 m
II	**Các hạng mục công trình phụ trợ**	
1	Khu văn phòng mỏ	01 văn phòng mỏ
2	Trạm cân	01 trạm cân
III	**Các hạng mục công trình BVMT**	
1	Điểm vệ sinh xe	01 điểm vệ sinh xe ở đường vận chuyển ngoại mỏ
2	Công trình XLNT sinh hoạt	01 nhà vệ sinh di động
3	Công trình thu gom CTRSH	02 thùng chứa
4	Công trình thu gom CTNH	01 thùng chứa

* Các hoạt động của dự án: Giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, tạo moong khai thác, đục đá, xúc bốc, vận chuyển đất, đá; hoạt động của các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường)* và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025)*.

1.6. Dự án thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, quá trình mở vỉa và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất phát sinh ra tiếng ồn, bụi, khí thải. Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, nguy cơ gây ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, tai nạn giao thông,…

- Trong giai đoạn vận hành: Các hoạt động khai thác (đục đá, xúc bốc, vận chuyển đất, đá) làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung; nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác; sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn từ thu dọn sinh khối; chất thải nguy hại; hoạt động khai thác vận chuyển tiềm ẩn nguy cơ tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố sạt lở,...

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác, phục hồi môi trường: Các hoạt động vận chuyển, san gạt hoàn thổ, trồng cây, tháo dỡ các công trình phụ trợ để hoàn thổ trồng cây phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và tổng Coliform.

+ Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, rác) và dầu mỡ.

+ Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, đá, rác).

- Khí thải: Bụi phát sinh do hoạt động thi công đường ngoại mỏ, công trình phụ trợ, hoạt động mở vỉa; khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO_2, NO_2.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Thành phần: Chủ yếu là bao bì các loại, vỏ chai, thức ăn, rau quả thừa,…

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình phát quang. Thành phần: Gỗ và cây cối.

- Chất thải nguy hại: Máy móc thiết bị thi công được bảo dưỡng, sửa chữa tại các cơ sở sửa chữa trên địa bàn phường, do đó không phát sinh các loại chất thải nguy hại.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy móc, thiết bị, xúc bốc, san ủi, hoạt động của xe vận chuyển đất, đá.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động do sự cố: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với lưu lượng khoảng 0,39 m^3/ngày. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và tổng Coliform.

+ Nước mưa chảy tràn với lưu lượng phát sinh khoảng 3.262,46 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, rác) và dầu mỡ.

+ Nước rửa xe phát sinh từ hoạt động rửa xe vận chuyển với lưu lượng khoảng 14,875 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác) và dầu mỡ.

- Khí thải: Bụi phát sinh do hoạt động khai thác (đào xúc bốc và vận chuyển đất, đá); khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO_2, NO_2.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Thành phần: Chủ yếu là bao bì các loại, vỏ chai, thức ăn, rau quả thừa,…

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị khai thác, vận chuyển, hoạt động từ khu văn phòng với khối lượng khoảng 2,5 kg/năm. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in thải,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động máy móc, phương tiện trong quá trình khai thác và vận chuyển đất, đá.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan khu vực dự án.

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động qua lại với các công trình lân cận.

- Tác động do sự cố: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố sạt lở trong quá trình khai thác, sự cố đá lăn.

3.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

3.3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và tổng Coliform.

+ Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chủ yếu là ô nhiễm cơ học (đất, rác) và dầu mỡ.

- Khí thải phát sinh từ quá trình san gạt, tháo dỡ đường vận chuyển nội mỏ, mương dẫn và bể lắng nước mưa, gia cố bờ moong, tháo dỡ văn phòng mỏ, nhà vệ sinh, trạm cân, máy móc, phương tiện vận chuyển. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO_2, NO_2.

3.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Thành phần: Chủ yếu là bao bì các loại, vỏ chai, thức ăn, rau quả thừa,…

- Chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình tháo dỡ. Thành phần: Sắt, thép, tôn, bê tông, bao bì,...

3.3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, phương tiện vận chuyển, san gạt, duy tu, tháo dỡ, gia cố bờ moong.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt (trong cả ba giai đoạn thi công xây dựng, vận hành, cải tạo, phục hồi môi trường): Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động gần khu vực văn phòng mỏ. Khi bồn chứa nhà vệ sinh di động đầy, chủ dự án sẽ hợp đồng đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Trong giai đoạn thi công xây dựng và cải tạo, phục hồi môi trường: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước xung quanh khu vực thi công. Nước mưa chảy tràn sẽ thoát theo địa hình tự nhiên khu vực.

+ Trong giai đoạn vận hành: Nước mưa chảy tràn qua khu vực từng năm khai thác sẽ được đánh rãnh thu gom (kích thước RxC=0,5x0,5m) vào 02 hố lắng *(kích thước DxRxC=25x25x3m)* để lắng cặn trước khi thoát ra môi trường. Trước và sau mỗi mùa mưa, chủ dự án sẽ tiến hành nạo vét, khơi thông rãnh thu gom nước mưa và hố lắng để hạn chế lượng đất trôi theo dòng nước ra nguồn tiếp nhận. Đồng thời, đối với dòng nước ngoại vi sườn núi phía Đông Bắc mỏ, bố trí bờ đá tiêu năng kết hợp chắn dòng dài 350m, cao 0,8m, đáy rộng 1,2m, tận dụng các khối đá tảng lăn (đá chẻ) để xây dựng thân bờ chắn nhằm hướng dòng, phân lưu dòng nước ra ngoài khai trường khai thác.

- Nước thải xây dựng (giai đoạn thi công xây dựng): Được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước tương tự như nước mưa chảy tràn.

- Nước rửa xe (trong giai đoạn vận hành): Được thu gom vào hố lắng (3 ngăn lót bạt HDPE, dung tích 9 m^3) để lắng cặn và bơm tái sử dụng để rửa xe.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành: Phân bố xe vận chuyển ra vào khu vực thi công hợp lý; xe vận chuyển sản phẩm được che phủ bạt kín; thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển; bố trí điểm vệ sinh xe trước khi ra khỏi khai trường; tuân thủ đúng thời gian khai thác và vận chuyển, không vận chuyển vào giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi của người dân; các xe tham gia vận chuyển đúng tải trọng, đúng lộ trình, tránh rơi vãi và giới hạn tốc độ của xe trong quá trình hoạt động để giảm phát thải bụi vào môi trường.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: Các phương tiện máy móc thiết bị phục vụ cho công tác cải tạo phục hồi môi trường phải đảm bảo yêu cầu và được kiểm tra bảo dưỡng.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường): Thu gom rác vào 02 thùng 240 lít đặt tại văn phòng mỏ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Chất thải rắn phát quang (trong giai đoạn thi công xây dựng): Các cây gỗ lớn được người dân bán lại cho các đơn vị thu mua, các cành cây nhỏ cho người dân thu gom, tận dụng làm chất đốt, đối với lượng sinh khối còn sót lại sẽ được thu gom, ủ mục tự nhiên và tái sử dụng làm phân bón lót trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

- Chất thải rắn phá dỡ (trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường): Được tận dụng lại và bán phế liệu.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 01 thùng 120 lít có nắp đậy tại khu vực văn phòng mỏ để thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian khai thác.

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.

- Bố trí thời gian vận chuyển thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có tiếng ồn cao.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình khai thác thông qua chương trình giám sát môi trường từ đó đề ra lịch thi công phù hợp.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: San gạt khu vực khai thác và trồng cây xanh; san gạt hố lắng; cải tạo rãnh thoát nước; tháo dỡ văn phòng mỏ, nhà vệ sinh di động, trạm cân; gia cố bờ moong; lắp đặt biển cảnh báo; đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác.

- Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Gia cố bờ moong	m^3	1079
2	San gạt khu vực khai thác	m^3	15.474,6
3	San gạt hố lắng và mương thoát nước	m^3	3750
4	Tháo dỡ văn phòng mỏ, nhà vệ sinh di động, trạm cân		
4.1	*Tháo dỡ văn phòng mỏ*	*container*	*1*
4.2	*Tháo dỡ nhà vệ sinh di động*	*cái*	*1*
4.3	*Tháo dỡ trạm cân*	*tấn*	*5,65*
5	Cải tạo rãnh thoát nước	m^3	62,5
6	Trồng cây xanh	ha	5,158
7	Lắp đặt biển cảnh báo	cái	20
8	Đo vẽ địa hình kết thúc khai thác	ha	7,32

- Kế hoạch thực hiện: Trước khi thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Stt	Nội dung công việc	Thành tiền (đồng)
I	**Chi phí cải tạo PHMT**	**714.569.769**
1	Gia cố bờ moong	12.870.355
2	San gạt moong khai thác	177.702.918
3	San gạt hố lắng và mương thoát nước	45.241.756
4	Tháo dỡ văn phòng mỏ	5.000.000

Stt	Nội dung công việc	Thành tiền (đồng)
5	Tháo dỡ nhà vệ sinh di động	3.000.000
6	Tháo dỡ trạm cân	12.027.955
8	Trồng cây xanh moong khai thác	437.025.576
9	Lắp đặt biển báo	8.835.460
10	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác	12.865.749
II	**Chi phí quản lý dự án C_{ql}**	**25.417.247**
III	**Chi phí dự phòng và trượt giá G_{dp}**	73.998.702
IV	**Tổng chi phí trước thuế (VAT)**	**813.985.718**
V	**Thuế VAT**	**81.398.572**
VI	**Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường**	**895.384.290**

- Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **895.384.290** đồng.

+ Hình thức ký quỹ: Thực hiện ký quỹ nhiều lần.

+ Số lần ký quỹ: 03 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu tiên: **223.846.073** đồng.

+ Số tiền ký quỹ năm khai thác tiếp theo: **335.769.109** đồng.

+ Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

- Thời điểm ký quỹ và tiếp nhận tiền ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu: Chủ dự án thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi: Chủ dự án phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi *(Địa chỉ: Số 321 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi).*

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tai nạn lao động (trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành): Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng tiêu chuẩn quy định của nhà nước; sử dụng công nhân lành nghề, phù hợp đối với từng công việc; trang bị dụng cụ sơ cứu và tổ chức sơ cứu kịp thời khi có sự cố, tai nạn xảy ra.

- Tai nạn giao thông (trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành): Chủ dự án quán triệt cho các tài xế vận chuyển vật liệu không chạy quá tốc độ quy định, giảm lượng xe vận chuyển và giảm tốc độ khi đi qua khu dân cư; xe vận chuyển che phủ bạt, không chở quá tải trọng quy định.

- Sự cố sụt lún, sạt lở đất (trong giai đoạn vận hành): Chủ dự án tuân thủ đúng phương án khai thác đã được phê duyệt; tuân thủ các biện pháp an toàn kỹ thuật trong suốt quá trình khai thác; đảm bảo góc nghiêng sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, chiều cao tầng khai thác và chiều cao tầng kết thúc theo đúng thiết kế; tạo mương dẫn nước khu mỏ để dẫn nước mưa vào hố lắng và thoát ra môi trường, tránh hiện tượng xói lở bề mặt, ngăn ngừa gây sạt lở, sụt lún đất; thực hiện gia cố vách taluy, tạo góc nghiêng sườn tầng đảm bảo không để xảy ra hiện tượng sạt lở đất đá, gây nguy hiểm đến tính mạng con người.

- Sự cố cháy nổ (trong giai đoạn vận hành): Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ các loại phương tiện phòng cháy chữa cháy và thường xuyên kiểm tra.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Phối hợp với đơn vị chức năng, địa phương và người dân thực hiện bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng đúng quy định; bố trí hợp lý các tuyến đường vận chuyển, không tập trung các xe vận chuyển vật liệu trong một thời gian; xe lưu thông đảm bảo thực hiện đúng Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và cảnh quan khu vực dự án: Thực hiện khai thác trong phạm vi mỏ, không khai thác ngoài khu mỏ được giao, hạn chế ảnh hưởng đến tài nguyên sinh học; khai thác đến đâu tiến hành phát quang và cải tạo, phục hồi môi trường đến đó; chủ dự án đào rãnh thu gom và thoát nước mưa, khơi thông dòng chảy; lưu chứa, quản lý chất thải đúng quy định; sau khi kết thúc khai thác tiến hành cải tạo, trồng cây phục hồi môi trường.

+ Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; bố trí hợp lý các tuyến đường vận chuyển.

+ Giảm thiểu tác động qua lại với các công trình lân cận: Yêu cầu các lái xe linh động trong việc điều khiển, chủ động nhường đường khi mật độ giao thông trên tuyến đường vận chuyển cao, không phóng nhanh, vượt ẩu, hạn chế các rủi ro xảy ra; khai thác đúng thiết kế, đúng kỹ thuật; lắp đặt các biển báo và các nội quy đối với các xe tham gia hoạt động khai thác và vận chuyển đất.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

TT	Môi trường giám sát	Vị trí	Thông số/tần suất giám sát
1	Giám sát môi trường không khí	02 vị trí: Tại khu vực khai thác (vị trí này thay đổi theo từng năm) và tại đường Đặng Thuỳ Trâm (cách dự án khoảng 180m	Thông số: Độ rung, tiếng ồn, bụi, SO_2, NO_2, CO. Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

TT	Môi trường giám sát	Vị trí	Thông số/tần suất giám sát
		về phía Tây)	
2	Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại	Khu vực tập kết chất thải rắn, chất thải nguy hại	06 tháng/lần hoặc giám sát đột xuất khi có sự cố
3	Giám sát sạt lở	Quan sát sạt lở tại khu vực mỏ	Giám sát thường xuyên (hàng ngày)
4	Giám sát quá trình hoàn thổ, phục hồi môi trường	Mức độ tuân thủ các biện pháp theo dự án về việc san gạt, trồng cây xanh, tháo dỡ công trình phụ trợ,...	Giám sát vào năm kết thúc khai thác (khi thực hiện các biện pháp đóng cửa mỏ).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.2. Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình khai thác.

6.3. Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất, chiều sâu và chế độ khai thác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.5. Trong quá trình xây dựng, khai thác, phục hồi môi trường phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; tuân thủ đúng thời gian khai thác và vận chuyển; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm; các xe tham gia vận chuyển đúng tải trọng, đúng lộ trình quy định và giới hạn tốc độ của xe trong quá trình hoạt động để giảm phát thải bụi vào môi trường; thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các giai đoạn của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6.6. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

6.7. Phối hợp chặt chẽ với địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6.8. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường; số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.10. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

6.11. Sau khi kết thúc khai thác phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường như phương án đã được phê duyệt và tiến hành lập hồ sơ đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

6.12. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.13. Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình khai thác, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, Nhân dân nếu để xảy ra tình trạng sạt lở; ô nhiễm môi trường, an toàn giao thông, đường sá hư hỏng, làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sinh kế của người dân khu vực dự án tại thời điểm đang hoạt động, khai thác. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình và môi trường xung quanh, chủ dự án phải có trách nhiệm xử lý, khắc phục ô nhiễm và sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.14. Trong trường hợp đang khai thác xảy ra hiện tượng sạt, lở đất tại khu vực khai thác, chủ dự án phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo ngay cho cơ quan có chức năng và chính quyền địa phương để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ sạt lở, phối hợp để khắc phục sự cố và báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện để tiếp tục khai thác thì Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung vào khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác đất theo quy định pháp luật về khoáng sản.

6.15. Cam kết đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật./.